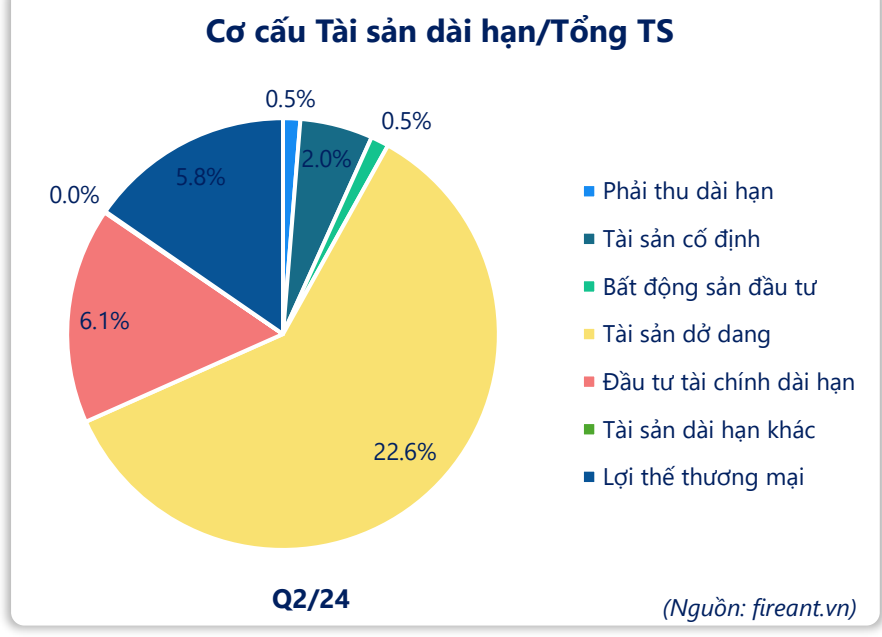
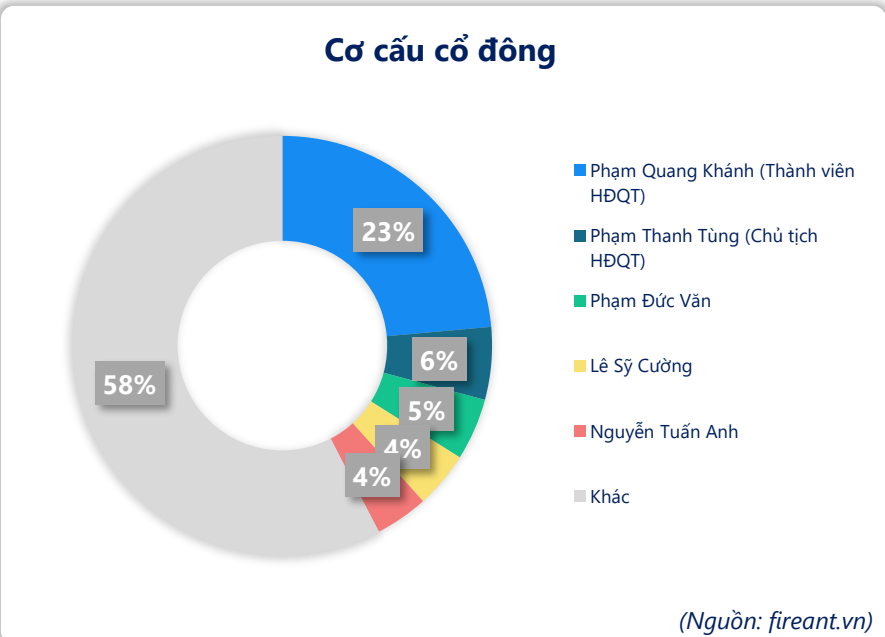
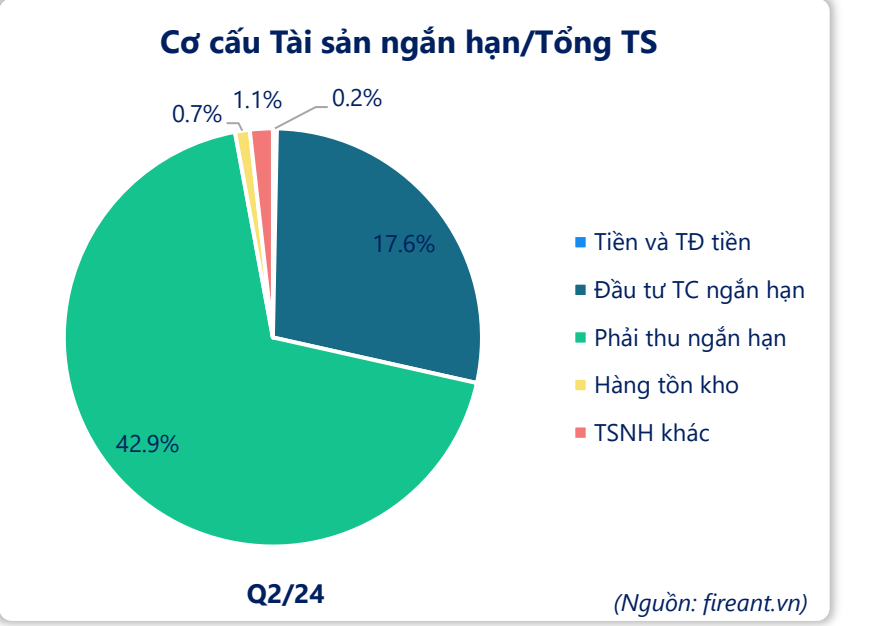
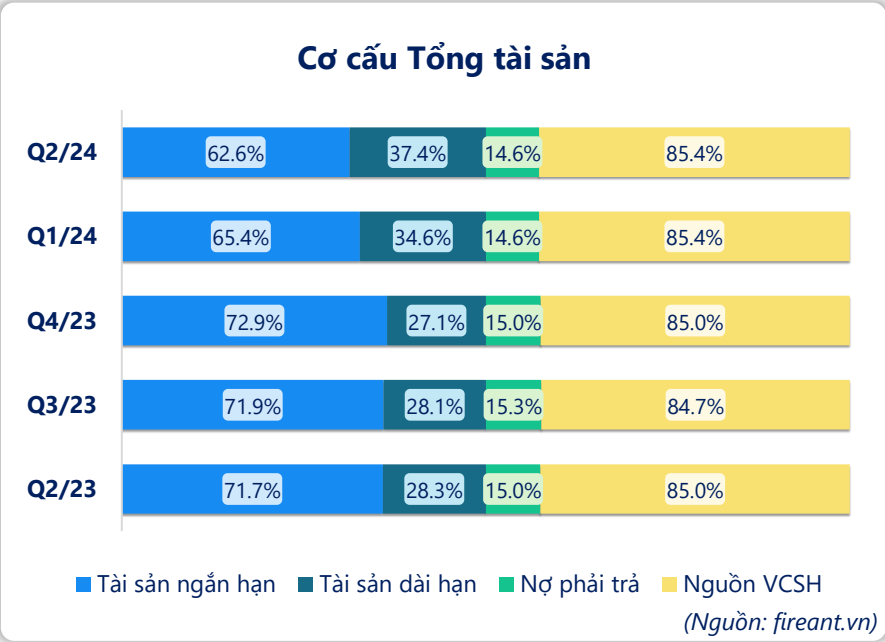
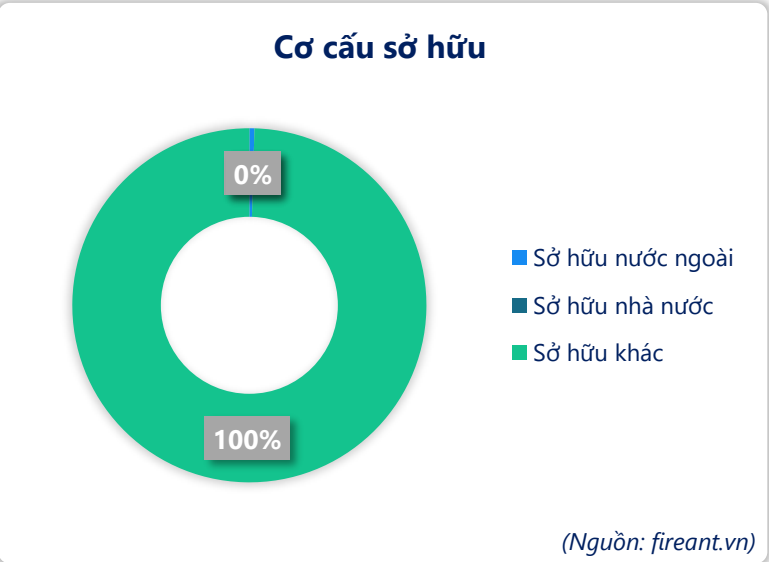
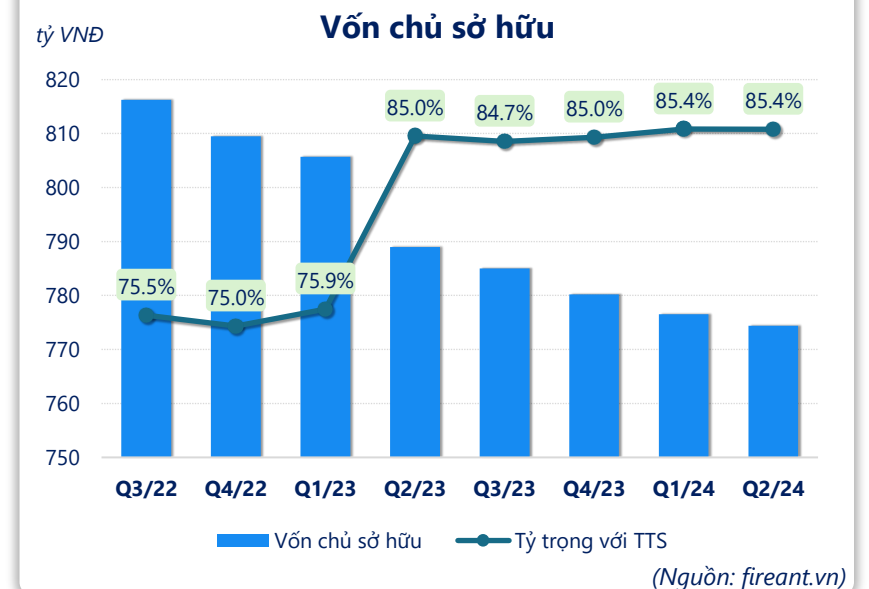
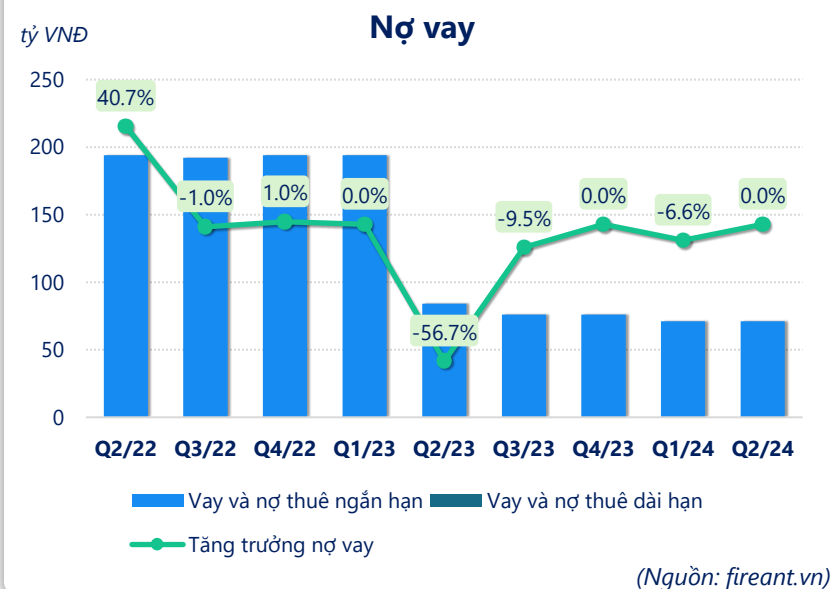
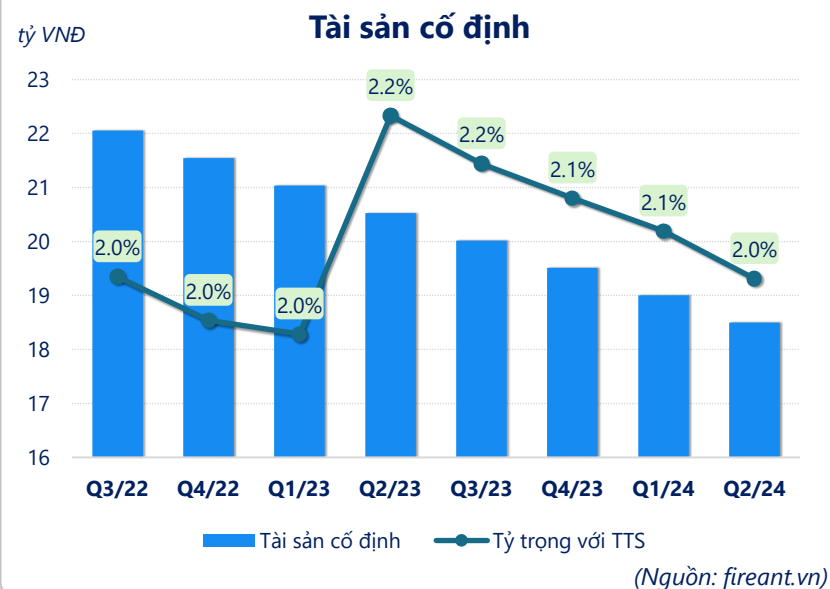
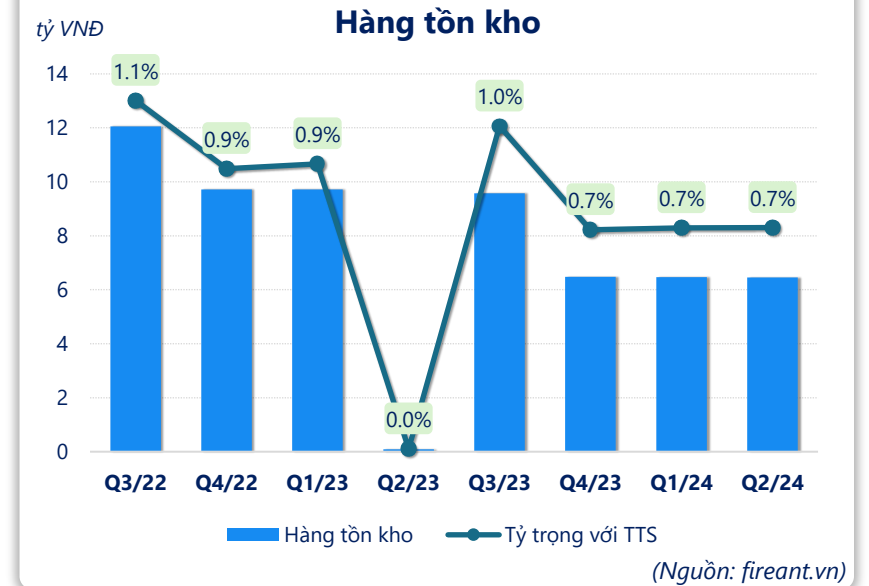
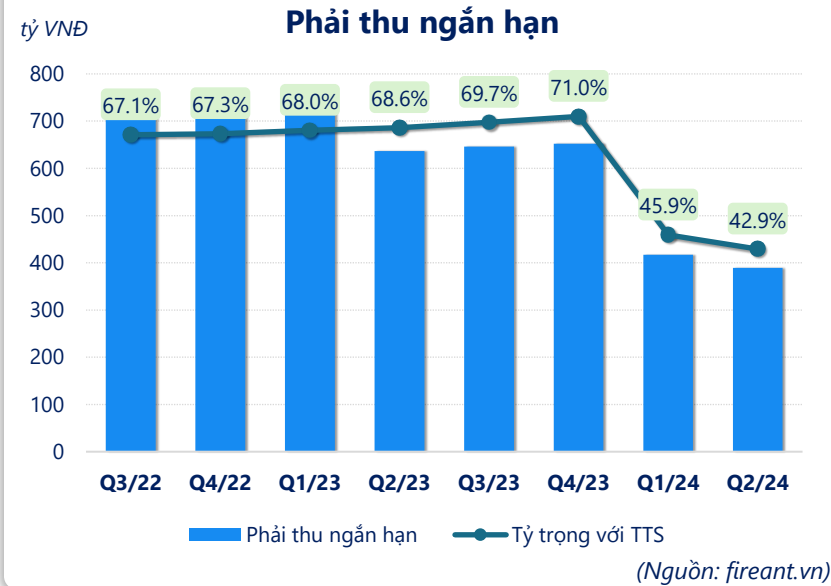
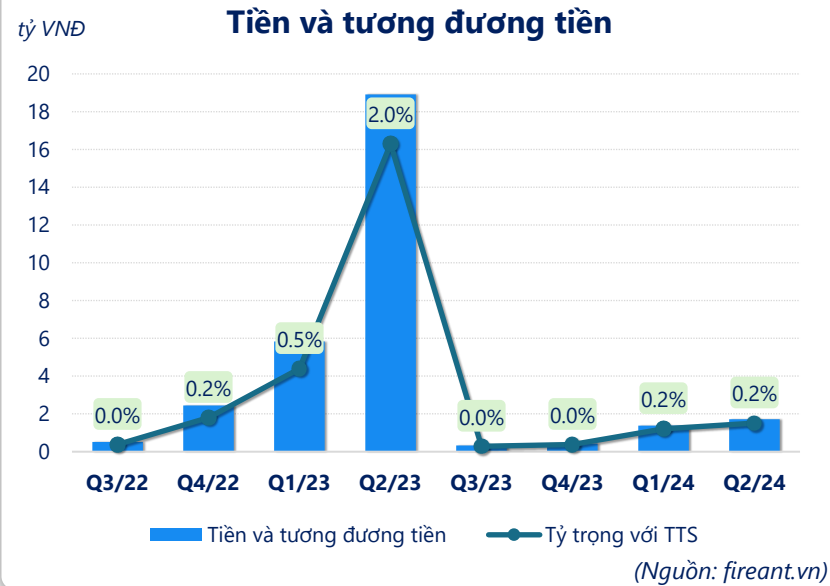
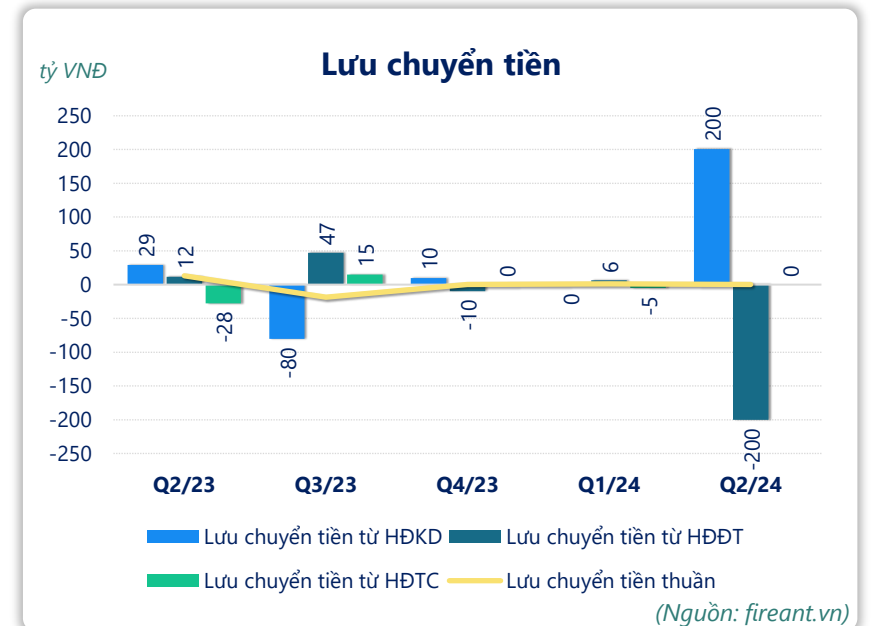
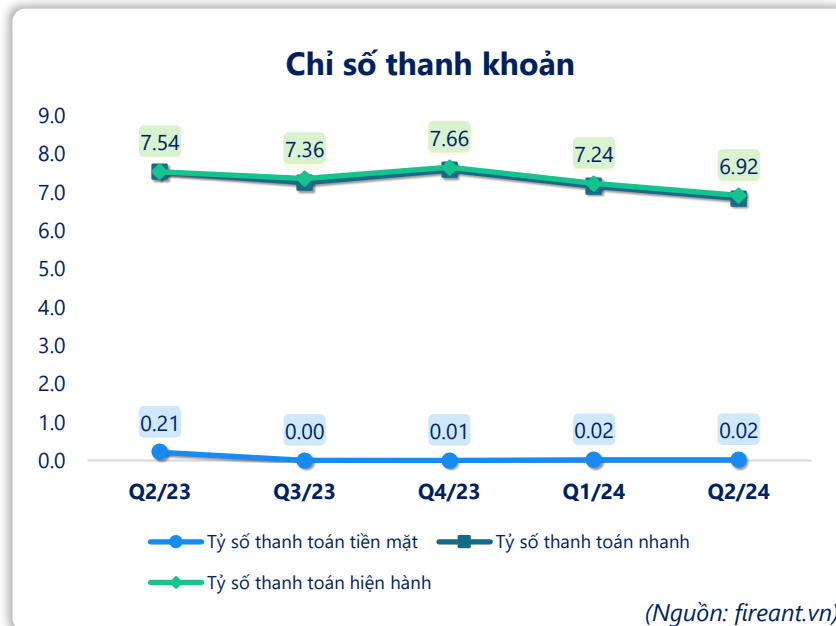
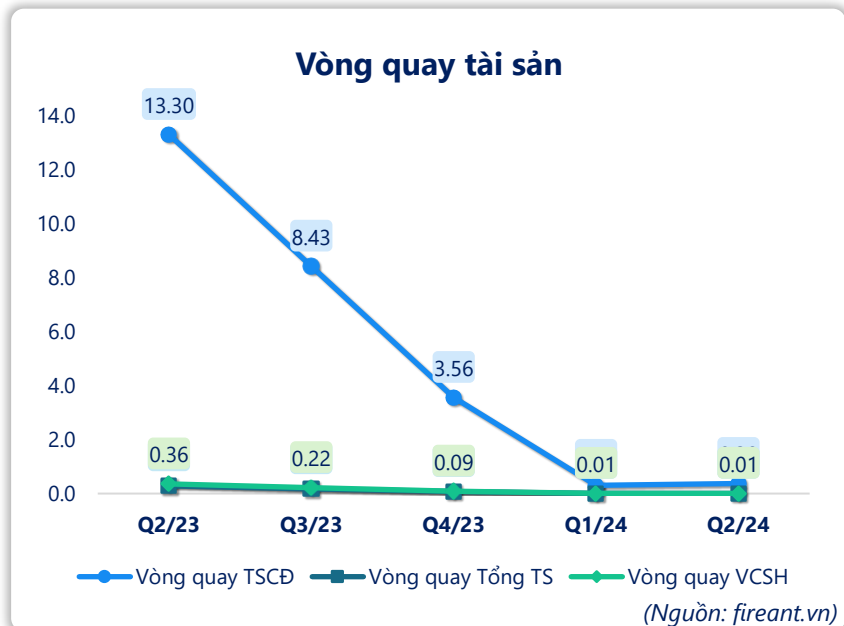
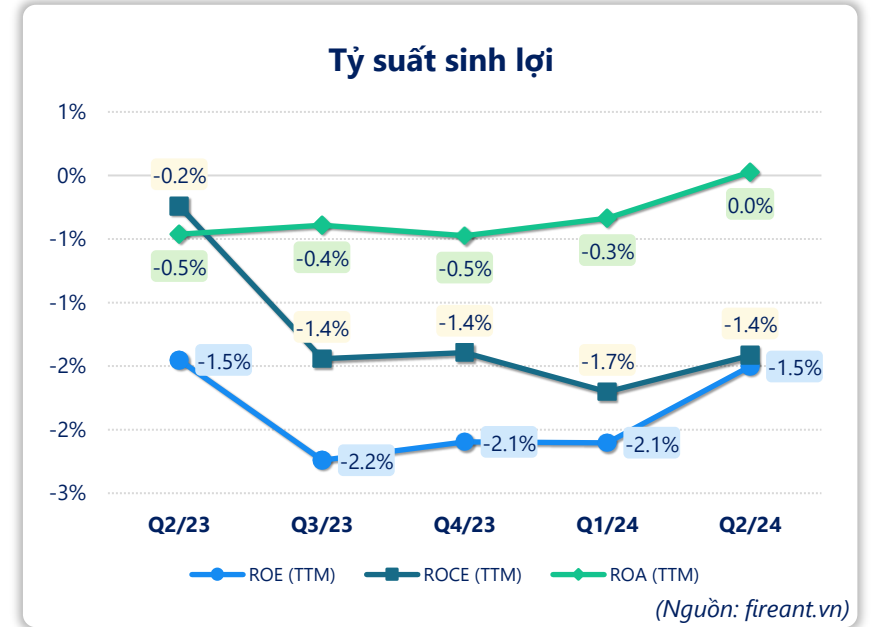
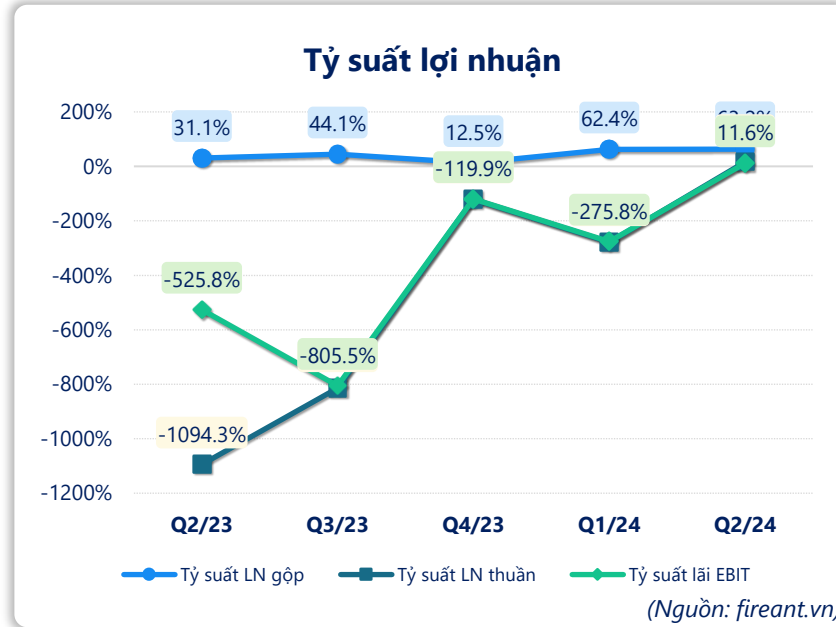
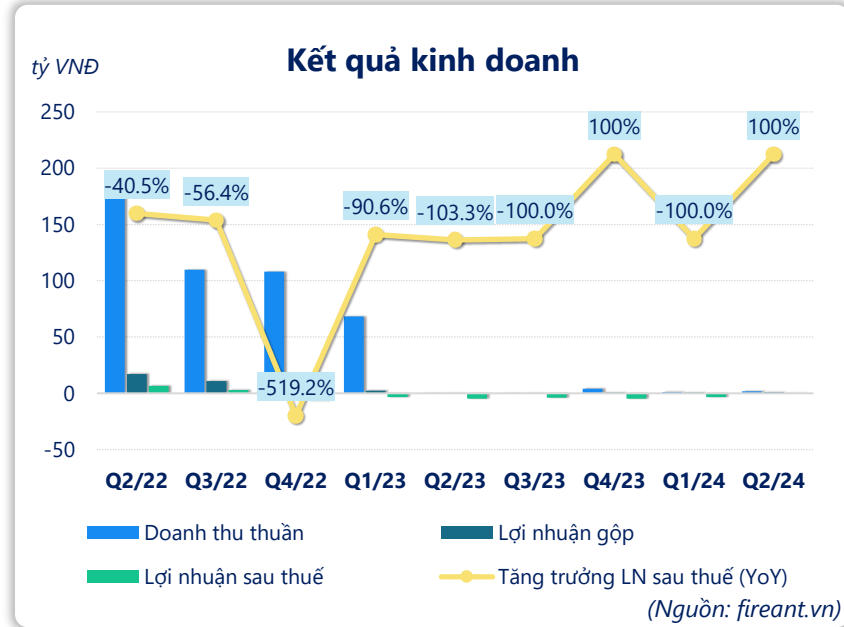


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	5,500	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,000	
SL cổ phiếu LH	68,987,661	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,033,185	
% sở hữu nước ngoài	0.5%	
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	379	
P/E	-32.3	
EPS	-170	

	YTD	1T	3T	6T
AAV	37.5%	-12.7%	48.6%	34.1%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	907	918	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	567	669	-15.2%
Tiền và tương đương tiền	1.72	0.44	294%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160	0	
Phải thu ngắn hạn	389	652	-40.3%
Hàng tồn kho	6.46	6.48	-0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	9.97	0.8%
Tài sản dài hạn	340	249	36.3%
Phải thu dài hạn	4.39	4.23	3.7%
Tài sản cố định	18.5	19.5	-5.2%
Bất động sản đầu tư	4.58	4.65	-1.5%
Tài sản dở dang	205	165	24.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	55.0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.30	0.55	-45.6%
Lợi thế thương mại	52.3	55.7	-6.2%
Nợ phải trả	133	138	-4.0%
Nợ ngắn hạn	82.0	87.4	-6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	71.0	76.1	-6.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.33	8.34	-0.1%
Nợ dài hạn	50.7	50.8	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	774	780	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	774	780	-0.7%
Vốn điều lệ	690	690	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	0.45	0.48	3.97	1.20	1.67
Giá vốn hàng bán	0.31	0.27	3.48	0.45	0.62
Lợi nhuận gộp	0.14	0.21	0.50	0.75	1.06
Doanh thu HĐTC	2.08	0.05	0.06	0.13	1.32
Chi phí TC	2.61	0.10	0.05	0.03	-0.02
Chi phí lãi vay	2.61	0.10	0.05	0.03	-0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.33	0.29	0.29	0.30	0.29
Chi phí QLDN	4.18	3.82	5.03	3.89	1.83
LN thuần từ HĐKD	-4.90	-3.94	-4.81	-3.34	0.27
Lợi nhuận khác	-0.06	-0.06	0.00	0.00	-0.06
LN trước thuế	-4.96	-4.00	-4.81	-3.35	0.21
Lợi nhuận sau thuế	-4.89	-4.00	-4.81	-3.35	0.21
LNST của CĐ cty mẹ	-4.64	-3.94	-4.74	-3.32	0.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	29.3	-80.4	9.82	-0.42	200
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.6	47.0	-9.71	6.39	-200
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.9	14.8	0	-5.03	0
Tiền đầu kỳ	5.84	18.9	0.33	0.44	1.38
Lưu chuyển tiền thuần	13.1	-18.6	0.11	0.94	0.34
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.9	0.33	0.44	1.38	1.72

(Nguồn: fireant.vn)